TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **192**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 28 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị N**, sinh năm 1978; Địa chỉ: địa chỉ: 8/14 đường G, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: **Anh Hoàng Thanh L1**, sinh năm 1977; địa chỉ: 5/14 đường S, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị N và anh Hoàng Thanh L1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Hoàng Thanh L1 xác nhận có 02 con chung tên là Hoàng Lê Phương L2, sinh ngày 07/4/2007 và Hoàng Lê Hà A, sinh ngày 15/01/2011.

Chị N và anh L1 tự nguyện thoả thuận: Giao con chung Hoàng Lê Phương L2, sinh ngày 07/4/2007 cho anh L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi; Giao con chung Hoàng Lê Hà A, sinh ngày 15/01/2011 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh L1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N và anh L1 thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0003143 ngày 06/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường Tây Lộc (ĐKKH số 71 ngày 26/6/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng